

QUA SÔNG

Cung Tích Biền

1.

Dòng họ Trần Liêu vào định cư ở bờ Bắc sông Thu một thời gian lại gặp chuyện chẳng lành. Mấy năm liền, mùa Hè như trong lò thiêu, mùa Đông như băng giá, khí hậu khắc nghiệt, khắp nơi bị lụt lội, hạn hán, mưa đá, bão tố, lúa đang đòng đòng sâu bọ ăn hết, kiến vàng làm tổ trong măng tre măng trúc, giếng nước có rắn, dọc bờ sông cá sấu phơi mình trên cát, giữa trưa khô khốc từng bầy voi lang thang đi tìm nước dọc bờ sông trắng. Gió rao truyền những tai ương, và biển bủa sóng báo hiệu của hoang phá điêu tàn.

Về mặt nhân văn, con người không tin vào những điều thực tế, nhưng những cảm ứng tâm linh không còn chân chính, nó bị tác động, xua đi theo dấu chân tà thuật. Đó đây mọc lên lời kinh cầu, sấm truyền. Những phù thủy dạy cho con người những u muội, xuyên tạc, đẩy đạo lý đến cửa ngõ của dị đoan mê tín. Người ta thờ những con rắn hai đầu, gà bốn chân, cua mặt người, cọp biết nói. Tin đồn loan truyền, những đồng dao, những mẫu chuyện châm biếm cứ mọc cánh bay đi, tụ hội với trăm nghìn hoang tưởng, làm cho xã hội hôn ám càng nhuốm màu hoang đường. Bọn đồng bóng có nơi ăn chốn ở, quân ma mãnh giàu sang, kẻ trí thức thất sủng sống âm thầm thui chột. Ốc tim tấm độc.

Trần Liêu vay nợ Phú Hào nhiều năm vốn lãi chất chồng không sao trả được, Phú Hào đòi cào nhà và cùm gông Trần Liêu giải lên Quan Huyện. Trần Liêu đành đem cô gái Út xinh đẹp, cô Giao Châu mười bảy tuổi gả làm hầu cho Phú Hào trừ nợ. Kỳ hẹn mười năm Phú Hào trả Giao Châu lại cho Liêu. Nào ngờ, sau đó Phú Hào đem Giao Châu nộp cho Quan Huyện, gọi là món lễ vật quý giá. Quan Huyện mê mẩn Giao Châu đến quên cả vợ, nên người vợ tìm cách giết Giao Châu bằng thuốc độc.

Mãi mấy năm sau Liêu biết chuyện, tới Huyện đường kêu oan. Huyện phán, "Người đem con gái nạp cho Phú Hào trừ nợ. Vậy, con gái người là món hàng, ai dùng chẳng được. Hàng đã dùng thì có hư hao, sao đòi?" Liêu kêu oan mãi, lại khóc nức nở vì thương con gái. Quan tức giận sai quân lính nọc Trần Liêu ra giữa sân nắng mà đánh ba mươi hèo, rồi đuổi về. Quan Huyện bày trò nhân từ cho Liêu tiền, Liêu không nhận.

Mang một cái đầu cặm uất và một cái lưng máu về nhà, Liêu nói cùng vợ con: "Bỏ xứ mà đi thôi". Vợ Liêu can ngăn: "Mình là dân, phải biết nhịn nhục mà sống, sao bỏ làng nước ra đi. Đi đâu, về đâu?" Cậu con trai cả của Trần Liêu nói: "Quan hà khắc thì giết lũ quan ấy đi!" Cậu Út nói theo cách huyền mộng của mình: "Ta sống không cần vua quan có được không?"

Rõ ràng bốn người bốn quan điểm khác nhau. Liêu muốn từ bỏ một nơi chốn khắc nghiệt để tìm đến một miền đất lành, như vượt sông Thu vào phía Nam chẳng hạn. Người vợ tòng quyền, nhưng không muốn rời bỏ nơi có mồ mả cha anh, nghĩ về những lao lung của dĩ vãng, bà rất sợ những cuộc ra đi tìm đất Hứa. Cậu con trai cả rõ là muốn nổi loạn, dù đâm máu, nhưng nó làm sạch triều đình. Cậu Út có khuynh hướng vô chính phủ: "Ta sống với ta, vua quan là cỏ rác".

Đi ? Ở ? Giết quan ? Hoặc không cần vua quan ? Song, trong gia đình ấy có một sợi dây vô hình và bí ẩn: Bàn luận thì rộng rãi, cuối cùng vẫn theo lời cha. Họ sẽ ra đi. Nơi họ định đến vẫn trên xứ sở thân yêu của họ, nhưng là bên kia bờ sông

Thu. Phải là Bên kia Bờ. Bên kia bờ con sông mà định mệnh đã trót cho nó cái tên sông Thu.

Bây giờ đang là mùa Đông. Thời tiết năm ấy giá lạnh kinh hoàng, bão khô thổi xao xác làm rừng núi khô vàng như chờ nhóm lửa. Sông Thu có dòng chảy rất xiết, xoáy bờ Nam, phá bãi Bắc, tạo ra những bãi phù sa còn còn lớp lớp, hoặc những vịnh nước mênh mông. Ngày ngày mặt trời như một cục máu đỏ hồng trôi lên một chút là bị mây đen vây phủ. Bầu trời mang mang xám rộng, khi con sông Thu tràn tỏa, sóng reo như biển.

Ngày ấy, bờ Nam sông Thu hãy còn ít di dân tới định cư. Bờ Bắc còn lưa thưa xóm làng. Chen lẫn giữa những xóm lá hiu quạnh là rừng thưa hoặc núi đồi, đầm lầy. Từ làng tới Huyện phải mất mấy ngày đường. Quan đi lại có ngựa, kiệu, dân cuốc bộ. Quan có lính hầu bảo vệ, dân phải mang giáo mác phòng khi đâm chém với voi rấn, heo rừng. Nông phu đi làm rẫy chạp mặt với thú dữ là thường. Cọp thấy người trước tức thì phóng về người xé xác mà nhai. Người thấy cọp trước thì đập giết cọp mạng về, thịt ăn, da cọp làm áo hoặc làm phen vách quanh nhà. Đôi khi cuộc chiến đấu ngang bằng, cọp người gầm gừ ròi nhau, cọp mang máu me chạy vào núi, người mang thương tích về nhà vợ con băng bó. Cọp gặm người vì bản năng, người giết cọp vì ý thức sinh tồn.

Trần Liêu có vóc dáng to khỏe như gấu. Cậu Cả giống bố, ngày ăn bốn bữa, mỗi bữa nồi cơm bự, luôn có ý tìm giết Phú Hào cùng quan Huyện. Trong Cả có dòng máu muốn đứng lên giữa trời, cây đao phơ mà quạt "cổ đại". Cậu Út, người mảnh mai, da trắng trẻo, mắt sâu mũi thẳng, cách đi đứng nói năng thanh tú, sính chữ nghĩa thơ văn, có tính khinh đời nhưng lại sợ chuyện đâm cọp giết người. Với cậu, thế gian này chỉ là cõi tạm, trong cuộc hành trình miên viễn của cậu, nơi đây chỉ là cuộc ghé chơi, ngấm nghĩ xa xôi làm chi cho u hân thể phách.

Thuở bé, có lần Út đi chơi sao đó mà lang thang vào một hang cọp. Liêu và Cả vác dao đi tìm. Lúc tới nơi, người ta thấy cậu Út đang ngồi thu mình bên chú cọp con láng mượt màu nhau. Liêu ẵm Út ra khỏi hang cọp. Cả lăm le ngọn dao. Liêu can ngăn: "Đừng giết cọp con!" Khi xuống núi, ba cha con gặp cọp mẹ trở về. Lần nữa Liêu nói với Cả, "Hãy tự vệ, đừng giết nó. Nó còn con nhỏ trong hang".

2.-

Cha con Liêu xẻ gỗ đóng thuyền. Lại rèn thêm vũ khí.

Việc qua sông chỉ cần một chiếc ghe nhỏ là vừa nhưng họ đóng một chiếc thuyền khá lớn: Như để vượt biển. Liêu giải thích rằng phải chờ cả bàn ghế tủ giường, cối xay, chày giã gạo. "Ra đi, chỉ đi một lần không lui lại, có chi thì chờ hết". Vả lại qua bên kia sông đã chắc gì tìm được cái sống lúc ban đầu dễ dàng.

Bà mẹ chuẩn bị lương thực, áo quần. Bà hái lá rừng phơi khô, những loại có thể là những món thuốc Nam, phòng khi chưa hợp thủy thổ. Hôm dọn bàn thờ, người mẹ thấy cái hộp đựng cuốn gia phả đã bị mối mọt ăn, tượng Phật cũng vậy. Để yên thì thần là tượng, mà tháo ra ráp lại không được. Chúng rã tan. Như lớp bụi vô nghĩa. Như một cái gì rất đáng sợ, giữa niềm tin sâu mọt.

Bà mẹ đem chuyện này nói với chồng. Liêu nói nghiêm chỉnh, tuy có một thoáng bàng hoàng: "Cái gì hư mọt thì vất đi, không cần sơn phết làm gì nữa, cha mẹ Phật, Tổ ở lòng ta".

Mùa Đông rồi cũng trôi qua. Nhưng mùa Xuân năm ấy kỳ lạ. Gia đình Liêu ăn cái Tết từ biệt để chuẩn bị ra đi thì mưa lê thê kéo dài, gió Bắc khô lạnh. Khắp nơi, mai không nở. Cây rừng trụi lủi. Núi đồi hắt hiu bát ngát. Bầu trời luôn màu chì. Giữa

tháng giêng sâu bọ bò rào rạt, hàng nghìn triệu con, san bằng đồng lúa. Cào cào châu chấu, kiến cao cẳng đầy nhà đầy vườn. Những luống cải hoa vàng trở thành màu nâu đen vì ruồi nhặng bu quanh. Bướm ong màu sắc tươi xinh chết đầy đất. Chuột chù chuột cống bò khơi khơi trong vườn ngày. Trong trái chín sâu dòi ngổn ngang. Nước đồng ruộng có màu đỏ loãng. Trên mặt nước có đóng váng ngũ sắc, phản chiếu ánh mặt trời chiều trông hoang đường đến nhức mắt. Ánh chiều mong manh như tơ lụa bỗng trở nên gớm ghiếc: “Một mùa xuân ma”.

Một hôm, Quan Huyện đi thăm dân tình, gọi là chúc Xuân, nhân tiện ghé Phú Hào đánh chén cùng hăm hiếp kín đáo gái quê. Cậu Cả nghe tin ấy, mang dao ra đi, định giết chúng. Liêu can ngăn con: “Chưa có tòa xử chưa nên giết người!” Cả cãi lại: “Bọn chúng không còn là người. Mà ai ngồi tòa ? Ai xét xử ?” Người mẹ vừa khóc vừa sợ hãi van xin: “Dù sao con gái mẹ cũng đã chết rồi, gây ra oan trái làm chi nữa” Cả giận dữ: “Trừ kẻ có tội, trả thù cho Giao Châu mà là gây oan trái à ?” Cậu Út nói: “Thôi, xin mọi người hãy dẹp cất dĩ vãng đi”. Hôm đó Cả bỏ ăn, nói với cha: “Suốt đời cha chỉ dạy con điều nhịn nhục, chịu đựng. Cha làm tề liệt ý chí con người”.

Thời gian dần qua, mọi việc chuẩn bị xong, ngày ra đi sắp tới. Liêu mang màu vẽ mắt con thuyền. Cả rửa thuyền. Dưới sức nắng mùa Hè, con thuyền bạc thếp vì nước lũ có bùn non phủ qua những ngày mùa Đông. Trong lòng thuyền một lớp bùn nhão, ở đó một con rắn nằm khoanh tròn. Cả chặt một phát. Con rắn cụt một phần đuôi, vùng thoát, trườn mình hướng về phía đầm lầy. Cả nói vui: “Ngày xưa Lưu Bang chém rắn, ra đi rồi làm vua”. Trần Liêu nhìn con gần giọng: “Chỉ toàn chuyện vấy máu”. Cả nói: “Nhưng máu của chính đạo thì cũng cần thiết phải đổ ra lắm chứ”. Cha con cùng cười. Nắng mùa Hè chói chang. Dãy núi hùng vĩ phía Tây như nghìn ngọn sóng bát ngát trong trời xanh. Mây trắng chập chùng, trôi dạt cả dưới lòng con sông Thu xa xa.

Con thuyền được kê lên cao bởi hai cái đà gỗ. Trần Liêu lập bàn hương án, ăn vận chỉnh tề rồi cầm cọ chấm màu vẽ mắt cho thuyền. Cả nhìn cha vẽ, lại hỏi: “Người có mắt đây mà nhìn không thấy hết phương hướng, lạc mãi chốn vô minh, cha vẽ mắt lên gỗ đá mà chi ?” Liêu giải thích: “Mắt người ta là mắt thịt. Mắt gỗ đá mới hiển linh con trai ạ”. Liêu không là họa sĩ nhưng điểm nhãn cho thuyền rất đẹp. Sau đó, họ lấp bánh lái, lợp mũi.

Bà mẹ rất lưu luyến chốn cũ nhưng cuối cùng cũng đành phải xuống thuyền cùng chồng con. Hôm ấy người mẹ buồn lắm. Bà khăn vái tổ tiên. Đôi mắt ướt, nhìn hun hút về nương rẫy rừng núi. Liêu đứng ở bờ sông quay mặt về hướng Bắc lạy ba lạy, lại quay về hướng Nam bái ba bái. Thấy lạ, Cả hỏi: “Sao cha lạy phương Bắc mà chỉ bái phương Nam ?” Liêu giải thích: “Phương Bắc là tổ tiên linh hồn giống nòi ta”. Út nói: “Theo con thì cha phải lạy phương Nam. Phải lạy cái tương lai. Còn quá khứ thì xá xá nó là vừa!” Liêu cúi mặt, thở dài, nhìn con.

Từ lâu Cả thắc mắc một điều nên gạn hỏi cha: “Này cha! Nghe rằng chúng ta là hậu duệ của Vua Trần ?” Liêu nói nghiêm chỉnh: “Đúng vậy, chúng ta là con cháu chính thống Vua Nhà Trần, vì suy mệnh mà ra đi”. Cả lại hỏi: “Cùng một dòng họ Nhà Trần sao một thời đầy dẫy anh hùng, nhưng Hưng Đạo, Quang Khải, bây giờ lại toàn một lũ gian manh trộm cắp, hoặc đói khổ đọa đày như chúng ta ?” Liêu than thở: “Đó là vận nước. Cũng một dân tộc, một thời có thể rất anh hùng, một thời rất bọn khùng lũ điên. Thời hưng thịnh thì một người cày ruộng cũng giữ luân lý riêng mình và đạo đức giống nòi. Thời suy vi thì cũng dân quan đó nhưng là lũ ti tiện, coi trọng vật chất,

xem thường đạo lý, vì cái sống thấp hèn, vì địa vị, có khi ám hại nhau không nương tay. Trong nhân loại, nước nào cũng có trường hợp đó, vận hạn mà. Nhưng chớ có buồn mản chi. Ở chỗ cùng kiệt, anh hùng lại sẽ xuất hiện, minh quân ra đời. Cuộc nhân sinh sẽ được vun quén trùng tu”.

3.

Thuyền hạ thủy vào một ngày rực nắng. Bầu trời xanh ngát không một áng mây. Liều và cậu Cả ăn vận gọn gàng, áo mặc bên hông, đai lưng bằng da thú, nón mây. Trông Út như một đạo sĩ trong lớp áo trắng phơ phất. Người mẹ nhìn bờ Nam xa tấp, dấu hiệu đất Hứa hầy còn mịt mờ nơi cái tường thành lau trắng xa xa, chưa một bãi dâu, chưa một làn khói bếp nhà. Bơi theo thuyền của họ là một đàn cá sấu vùng vẫy. Cả định phạt một áo. Liều can ngăn: “Ta có đường đi của ta, đừng chọc vào lũ sấu xà”. Người mẹ tụng kinh. Tiếng lòng chan hòa sông nước, giữa cái nóng của mặt trời cùng sự reo thềm của lũ cá sấu dưới lườn ghe.

Họ cho thuyền ngang qua bờ. Sông mênh mông không cầu. Cầu quan lộ xa xa dưới kia năm ba ngày chưa thấy một bóng ngựa trạm.

Trước đây gia đình Liều từng nghe người bơi thuyền qua sông, đi Nam về, kể lại những gì đã từng mắt thấy tai nghe. Câu chuyện khá hấp dẫn đối với Cả và Út khi được biết cách đó không xa có một con đường rẽ về hướng Tây, dẫn sâu vào núi. Một con sông chảy bạt ngàn trên đỉnh núi liền núi. Như một con sông huyền thoại, nhìn nó người ta tưởng nó chảy ngược, vì mắt ta quen nhìn sông xuôi về biển. Đó là hướng Tây của Quảng Nam, mở rộng về phương Nam mà dòng họ Trần Liều, con cháu vua tới lập nghiệp. Núi trùng điệp sừng sững. Những thung lũng trầm mặc, bí ẩn. Nơi miền xuôi, những Tháp Chàm hiện lên như những cánh xương rồng khổng lồ. Đất đai hầy còn là những thảo nguyên hoang dã.

Người ta kể lại rằng ở đó, miền núi Tây của Quảng Nam, có một Kinh Đô bị chôn vùi trong lòng một ngọn núi. Một dân tộc đã vùi chôn Kinh Đô của mình trước khi ra đi, bằng cách đắp núi lên đó. Người ta nghĩ rằng lòng đất là nắm mồ sẽ giữ cho kinh đô vĩnh cửu. Núi đó là Nhân Sơn, mộ địa sâu bí, đầy huyền bí. Ngày nay, cái chất thơ hùng đó không chỉ bằng bạc trong sử lịch mà nó hiện hồn bằng khuông trong từng từng cỏ lau trắng như khăn tang lưng chừng núi. Lúc bình minh, núi chìm trong sương mù biển khói, và hoàng hôn núi lặng im một cách lạ thường, khi cả trời rực lên cái ráng chiều máu pha. Sau đó, núi chìm trong đêm im lìm, tìm cách đầu thai trong bóng tối.

Thuyền đang trôi an bình thì mọi người bỗng thấy dòng nước chảy xiết. Cũi khô, bè giạt ở đâu trôi về đây. Mặt sông đen ra, mịt mù. Liều đổi tay chèo cho Cả cầm bánh lái. Mọi người đang vui vẻ bỗng lo lắng. Con sông cứ như có thần linh làm cho nó càng xa thẳm hai bờ. Càng chèo chống, vươn tới, hướng về, mong qua, thì bờ Nam cứ dần dần xa tít. Bãi bờ phương Bắc hun hút với đầm lầy rừng thưa. Bầu trời nắng gắt giờ đây mây phủ, gió rạo rạo huyền hoặc không còn nữa. Một cơn bão đã tới, gặt, giật, rung chuyển nghìn vạn âm thanh cuồng nộ. Gió khoét nước từ mặt sông tung cao lên không trung. Mưa không thể nào kể hết mưa. Từng tảng nước dội phủ lên thuyền. Người ta cảm tưởng bị rách thịt da, mặt, vì từng cây nước trắng như bạch kim châm vào.

Cả vượt mặt và nói: “Chúng ta bắt đầu chơi với quỷ thần rồi đây. Bọn âm binh bắt đầu lộ mặt. Ta trốn xa lũ quỷ mặt người hóa ra giờ đây...” Út phát tay áo nói: “Đúng là định mệnh chúng ta đang có ma vương thọc tay vào”. Liều răn dạy: “Hãy bình tĩnh các con. Lúc này mới là lúc thử sức người”.

Trong cuộc chinh phục thiên nhiên, con người vừa muốn tiêu diệt nó, vừa muốn hòa bình, nhân hóa nó. Con người cần lưu giữ thiên nhiên một phần nơi sọ nãi. Cuộc chơi đó lắm khi gay cấn, không thiếu phần mĩa mai tàn nhẫn, là một bên vẫn cứ muốn tiêu diệt một bên. Nhân loại có nảy sinh nhưng lần lượt đi vào mộ, thịt da mãi bốc làn khói đen trong trời xanh. Con người tiêu diệt vi trùng nhưng định mệnh cỏ cây cứ nảy sinh ra nghìn nghìn vi trùng mới, lạ lẫm và khôn ngoan hơn. Những cánh rừng vẫn cứ bị chặt phá, ao hồ khô kiệt, không gian thắm độc, vậy mà con người cứ đào biển phá núi, lăm le đào xới những vì sao, tính tuổi mặt trời. Cho nên, trong qui luật đó, gia đình Trần Liêu đang được treo trên sợi dây bảo tố, để thiên nhiên dày vò. Người ta có thể không tin vào thiên đường hay địa ngục nhưng quả thật những mặc khải tâm linh đó không trừu tượng ít ra về mặt biểu trưng: Nghĩa là chúng ta đang ở trong nhau, bảo tố thường trực mang thai trong khí hậu an lành.

Đối với gia đình Trần Liêu, con sông Thu giờ đây là một cõi lưỡng nghi hỗn độn, bờ Bắc thì mờ mịt, bờ Nam tím xa ngàn dặm. Dứt bỏ dĩ vãng mà không có tương lai. Rồi một đám khói mịt mù để mơ tới một bờ sương vô vọng. Trần Liêu đã dâng hiến một niềm tin sắt son cho bảo tố. Cuộc trùng phùng chừng như giấu mặt, bôi vôi. “Trần Liêu? Người có đau lòng chẳng khi từ bỏ một quá khứ dị dạng buồn nôn, để hòa mình cùng một thực tại rách nát bão dông?”

Cả và Út không chèo thuyền nữa, mà gác mái chèo trong lòng khoang. Trời đất vẫn lờ lợ cái mặt nạ xám xịt trong cơn thịnh nộ. Con thuyền rặng rấc muốn bức làm đôi. Mũi thuyền trước như con thú chồm lên vồ mồi, mũi sau như con kinh ngư chực lặn sâu xuống đáy nước. Nó đâm ngang, rẽ dọc, lại quay tròn, khi lao vào Nam khi trở ngược phương Bắc. Thuyền tự do theo hướng vô phương Phật của nó, sẵn sàng nghiêng hát cha con Liêu giữa dòng. Rồi, rất một cái, bánh lái gãy. Liêu mất thăng bằng bổ nhào vào lòng thuyền. Người mẹ cúi mặt vuốt nước, miệng tụng kinh. “Một lời kinh nguyện nhỏ nhoi mà dám van xin đất trời an bình?” Nhưng người mẹ cứ tụng kinh, vì mẹ nghĩ rằng trời đất có lỗ tai để nghe những lời van xin hèn mọn nhỏ nhoi nhất trên thế gian.

Lạ thay, rất lâu, qua nhiều thử thách, thuyền không chìm mà cứ trôi mãi. Lại có vẻ càng lúc càng bình an khi sóng gió đã lặng. Đêm lên. Mảng trăng lười liềm vắt vẻo xa xôi. Bầu trời trở nên sâu lắng huyền ảo. Lúc đầu mọi người còn tỉnh táo, sau họ không định được mình đang ở đâu. Thậm chí họ không còn cảm giác ở trên sông hay biển khi mọi người bắt đầu mê dần. Không gian như có mùi hương tinh khiết. Một bàn tay huyền bí nào đó giữ cho chiếc thuyền không còn bánh lái cứ trôi mãi đi. Mấy ngày đêm liền, thuyền không qua được sông mà trôi ra biển. Cuối cùng rất may mắn thuyền dạt vào một hoang đảo.

4.-

Cậu Cả là người tỉnh dậy đầu tiên sau một thời gian dài mê xiu. Anh nằm dài trên cát ngơ ngác nhìn chung quanh và nhận ra cái nắng rát mặt của buổi trưa nơi hoang đảo. Mùi biển tanh nồng hòa trong gió. Sóng vỗ tràn lan qua bãi trắng phẳng lì. Xa hơn, những mỏm đá cheo leo chồm ra vịnh biển. Rừng rất xanh kéo lên tận đỉnh đảo. Một vài cánh chim chao liệng trong trời.

Cả cố đứng lên, lại mệt mỏi ngồi xuống. Chiếc thuyền còn nguyên vẹn, nằm trên cát, cách nơi nằm của cha anh và cậu Út không xa. Mẹ anh trong khoang. Đầu tiên với cây dáo, Cả đào một cái giếng nhỏ trên cát, dùng tay vốc nước uống, lại bốc một nắm gạo sống mà nhai. Sau đó anh tới lay thức mọi người.

Họ đi dần vào chân đảo, tìm một cái hang trú ngụ qua đêm.

Về đêm, khí hậu đảo rất lạnh, sóng đánh rì rầm, tiếng chim và tiếng rú gầm của muôn thú quanh quất. Mấy hôm sau, Liêu và Cả vác dao đi thám thính quanh vùng và trở về cho người mẹ biết quanh đây không có làng xóm nương rẫy, nghĩa là không có dấu hiệu rằng con người đã từng sống hoặc từng qua đây. Người mẹ hiểu rằng gia đình đang rơi vào một tình thế hiểm nguy. Lương thực đã hết, vì trước kia bà chưa hề nghĩ tới ngày lạc vào hoang đảo.

Ngày qua ngày, người mẹ chôn dấu sự lo sợ tận đáy lòng. Bên ngoài bà cố vui vẻ, làm những việc giúp chồng con như khâu vá áo quần, quơ nắm củi, hái rau rừng, lấy nước từ giếng xa, sát vục biển, bằng cách khoét một vài lớp cát. Bà tìm một chỗ bằng phẳng sạch sẽ, trong hang đá, để thiết cái bàn thờ tổ tiên. Mẹ vái lạy hằng đêm, khẩn nguyện người khuất mặt, tiền linh giống nòi, ông cha, chú bác, anh em thương, cả những oan hồn cô quạnh, những kiếp chết linh hồn nát mẫm thành cô hồn của quỷ ma, để mong chờ phút giây cứu rỗi.

Một hôm Cả đâm được một con thú, xẻ thịt ăn. Con người ăn thịt mãi cũng khó thành người. Những đám rau rừng dần dà cũng mòn tịt đi, vì bốn miệng ăn. Ở chốn sỏi cát, cũng có thể trồng lương thực rau quả, ngặt vì không có hạt giống. Rất may, nơi đây vẫn còn ít loại rau và hoa quả nuôi người. Nhưng người đâu là khi, núi rừng cho chi ăn nấy. Nên, thời gian lấy dần thịt da máu tủy người.

Một buổi chiều xẩm, ba cha con Liêu vắng nhà, người mẹ ngồi thu mình trong hang đá bỗng nghe tiếng động ngoài cửa hang. Mẹ rung mình hiểu rằng loài thú rừng cũng đang tìm một cái hang ấm áp. Chúng đang ngắm nghía cái hang của mẹ. Đêm nằm mẹ mơ thấy những điều không vui. Trong thế giới hoang đường của giấc ngủ mẹ nghe cả tiếng cười vui, nhưng rất đau lòng, của chồng con. Họ đang chống lại một định mệnh cay đắng. Những con người khỏe mạnh dũng cảm ấy đang bị biến thể, trở nên những bộ xương.

Nhiều hôm trời thanh nắng tốt, mẹ đứng trên mỏm đá cao nhìn mông lung, cố tìm dấu hiệu của đất liền. Mẹ theo dõi cánh chim, mong thấy vệt xám xanh ở chân trời, hay một cánh buồm nào đó qua đây. Mẹ tuyệt vọng cùng tháng ngày, vì trong cái mông lung xanh ngắt kia không một dấu hiệu bến bờ.

Mùa Đông lạnh giá lại về. Những mảnh áo tằm quần rách nát. Trần Liêu là một bộ xương có mái đầu bạc, một cái đầu lâu có tóc, có cái nhìn, có tiếng cười, và sự bất trắc vẫn còn đeo đuổi.

Đêm đêm, người ta đốt đồng lửa hồng là để cho ấm, để trò chuyện với nhau như ma trong mồ nhớ dĩ vãng trần gian. Lửa ấy ít đun nấu một thứ gì có chất gạo. Da người thiếu chất bột đã trở thành màu da bụng của rắn mối, pha một chút xanh lơ bệnh hoạn của thiếu máu, của mong chờ đất liền, của một ngày về đang chìm trong sương biển. Mọi người trong gia đình Liêu rất thương yêu đùm bọc bảo vệ nhau. Nhưng chính sự khẩn khít can đảm đó, trong cảnh khốn cùng đặc biệt, cũng là một hoàn cảnh mỉa mai. Họ đang dần dà biến thành vượn để hoàn chỉnh cái sống của kiếp người.

Một hôm bà mẹ nói, đúng hơn là một bộ xương nói:

- Nếu tôi chết, rất mong mình và các con hãy ăn thịt tôi để sống qua ngày.

Liêu cắn môi, rít qua kẽ răng:

-Đừng nói điều vô đạo.

Bà mẹ nghiêm chỉnh, nói lời nguyện cầu, như một sám truyền đầy cảm ứng thần linh, như máu trong mẹ nói:

-Sao lại vô đạo ? Tôi là vũ trụ tạo ra chúng. Lúc nằm trong bụng tôi, chúng chẳng từng hít máu tôi, thở trong tôi, ăn hút tủy xương tôi đó sao ? Khi là bào thai lại hoang vu ăn thịt người, lúc thành người lại mang đạo đức ra trá hình đối với những dang hiến cuối cùng.

Người Mẹ, sau đó, kể cho hai con nghe một câu chuyện đầy ẩn dụ rằng ngày trước có một đám tù vượt ngục từ một trại tù nơi một hòn đảo lớn, địa ngục trần gian. Họ lênh đênh trên biển, với một chiếc bè rách tạm, rồi trôi dạt vào một hoang đảo. Đói lạnh bệnh tật, nhưng là những người tù chính trị chân chính, họ không hề tuyệt vọng, rất can đảm và minh sáng trong hoàn cảnh hiểm nghèo. Thế là một trong đám người họ quyết định tự tử. Để làm gì ? Để những người anh hùng kia lấy thịt mình mà ăn. Con người kiên cường kia biết rằng những người cùng chí hướng với mình sẽ giải quyết cái thân xác tạm thời của mình để tiếp tục làm cái việc muôn đời cho muôn người.

Nghe xong, Cả và Út lặng lẽ kinh hoàng. Họ cúi mặt khóc. Ngọn lửa hồng vẫn tiếp tục cháy giữa dòng đại hồng thủy. Sự nghịch lý tàn khốc kia hóa ra vẫn là một xúc tác trong sinh tồn. Tập tục thường hằng lắm khi phải lùi bước trước những điều cao cả. Sự tan vỡ cùng cực của đại biến để mở màn cho một kết thúc.

Từ trong hang động mẹ nhìn ra biển lớn. Lúc đầu bầu trời thanh thản một cách lạ thường. Bầy chim biển sà trên mặt nước xanh. Sóng bạc đầu xua vào bờ hàng nghìn cánh bạc, lấp lánh nắng. Một lúc mẹ nói, giọng rất âm:

-Các con nghe mẹ bảo. Nơi đây không thiếu thịt thú rừng. Nhưng các con hãy ăn thịt mẹ. Không là thịt người. Không bao giờ mẹ là thịt người. Mẹ là thiên nhục.

Lời Mẹ quả là điềm gỡ. Hai hôm sau Mẹ qua đời trong cái hang đá lạnh lẽo ấy. Cả nhà khiêng Mẹ ra đặt trên một phiến đá cao bằng phẳng. Biển bao la thanh thoát. Bầu trời rất cao xanh. Tinh tú như tỏ rạng ngay giữa ban ngày. Bầy hải âu bay, những cánh thiên đường. Rất xa, một chiếc cầu vòng bảy màu hiện ra chênh vênh, nơi đó đang có thể là mưa trong nắng, tụ hội thần linh, nơi có thể sẵn sàng đón một linh hồn tinh khiết nhất, cao cả và thẳng hoa nhất.

Không ánh đèn, không nhang khói, không kèn đưa trống thổi. Chỉ có sóng trắng bủa xa xa. Chỉ có tiếng rùng của đảo trở nên âm thầm ray rứt. Và chỉ có cậu Cả cầm cây dao múa như điên trong không khí. Cả muốn đâm mặt trời, muốn chém mây trắng, muốn chặt gió đang vi vu, muốn lấy máu của đá.

Sau cùng, Cả cầm phập ngọn ngọn dáo lên nền cát rồi gục khóc nức nở.

5.

Trần Liêu chôn vợ một cách thảm lặng, dưới chân viên đá tảng. Đầu người quay về hướng mà người ta tin rằng có đất liền nơi quê nhà. Liêu cầm giạn nói với hai con:

-Giao Châu con gái ta bị chết thảm dưới tay cường quyền. Nay, vợ thân yêu của ta cũng chết thảm thương lúc ta bôn đào. Nếu ta gặp cái thằng Số Mệnh ở đâu ta chặt đầu nó ở đấy, nếu quả thật có một thằng Số Mệnh bằng xương bằng thịt.

Vài hôm sau, kể từ lúc Mẹ nằm yên trong lòng đất, buổi chiều, không gian bỗng huyền hoặc lạ thường. Màu trời vàng lênh láng, mây trôi chập chùng, gió nhẹ, biển lặng. Xa xa, vẫn cái cầu vòng màu sắc hiện lên, như một chiếc cổng trời đầy hào quang. Thế gian như gọt đẽo thần tốc để có một phong diện kỳ ảo. Theo sóng biển, một con cá nhà táng trôi dạt vào, kề bên nó là một chiếc thuyền buồm loại nhỏ. Vào bờ được vài phút, cá nhà táng đã chết. Cha con Liêu tìm thấy trên ghe có rất nhiều lương thực, thực phẩm, thuốc men, áo quần, những loại giống ngũ cốc có thể

gieo hạt...Lại có một ít vũ khí, một la bàn và một bản đồ hải hành. Năm người trên ghe đã chết, máu me đầm đìa. Có những bịch gạo thấm máu tươi như xôi gấc.

Thời gian trôi đi.

Đã hơn mười năm cha con Liêu sống nơi hoang dã. Họ xây nhà, gieo hạt, trồng cây. Họ biến một phần đảo có hồn người. Họ khắc đá dựng bia trên mộ người Mẹ. Họ tìm cách để lại trong hang đá những ký hiệu, những lời dặn dò mong hướng dẫn những kẻ không may sau này lạc vào hoang đảo như họ. Từ lâu, rất nhớ đất liền, cha con Liêu thề tìm mọi cách trở về. Chim có tổ, nước có nguồn, cha con Liêu mong một mảnh quê hương, được nghe tiếng nói của đồng bào mình.

Họ tự học cách sử dụng la bàn, bản đồ hải hành, cụ bị lương thực, xẻ gỗ đóng thuyền. Thời gian đó, may mắn thay, một vài chiếc thuyền buôn ghé đảo. Họ được tiếp xúc với những người thủy thủ da trắng mà họ cho là man di, một loại người rừng đẹp đẽ. Rút kinh nghiệm của lần ra đi năm xưa, bây giờ họ chuẩn bị kỹ lưỡng hơn, bàn bạc với nhau tìm phương cách đối phó nếu gặp hiểm nguy.

Trần Liêu nay đã là một cụ già, giàu kinh nghiệm nhưng sức sống không còn mãnh liệt như xưa, niềm tin cũng mòn mỏi. Liêu không dám khẳng định một may mắn có thể chuẩn xác trong tương lai. Cả đã là một gã đàn ông rần rỏi, cương nghị. Những ngày cô đơn, gian khổ, tuyệt vọng đã dạy Cả, nung đúc Cả thành một con người gan dạ, có chí hướng. Riêng cậu Út có khác, Út thường trực ưu tư, có dấu hiệu tâm thần. Đi đâu về đâu, Út vẫn thấy những bất hạnh vây quanh. Những ám ảnh siêu hình, những suy niệm duy tâm luôn đè nặng lên tâm cảm cậu ta. Có lẽ Út sẽ trở thành một nghệ sĩ cô đơn, ca ngợi cái đẹp trong đau xót riêng mình, dành lòng nơi một cõi trú rất phi lý mà phải tha thiết với nó, vì nó. Út rất viễn mơ nhưng lại không tin vào điều tâm nguyện, rất khinh đời, khuynh hướng vô chính phủ, thiếu óc tổ chức. Với cậu, hy vọng chỉ là một sự phiền muộn, mong ước là dấu hiệu của xót đau riêng tư. Út cho rằng con người tự kéo sợi tơ tham vọng quanh mình như con tằm nhả kén chung quanh, sau cùng, đành chết giữa lòng tơ.

Sáng hôm ấy trời quang mây tạnh. Sau khi kiểm điểm “quân mã”, cha con Liêu bái biệt hoang đảo, xuống thuyền dong buồm ra đi. Ra đi ? Có nghĩa là tìm về.

Lúc rời khỏi mái tranh nhỏ, nhìn mộ vợ dưới chân viên đá tảng, những nương rẫy hãy còn mầm xanh, những hoa vàng quanh bờ dậu, những con dê được mở cổng chuồng cho chúng về đỉnh đảo, bày dê lại đi quanh quần trong vườn, như nhớ ai, chúng đi dọc bờ rào gặm những đọt xanh, Liêu động lòng nói: “Hóa ra đây là quê hương thứ hai, đã có máu và mồ hôi chúng ta!” Cả nói: “Sau này thế nào chúng ta cũng trở lại đây. Có lẽ đây cũng là một hòn đảo quê nhà”.

Ngồi trên sóng bạc đầu, Trần Liêu nghĩ miên man về con sông Thu, về Giao Châu, cảm giận bọn Phú Hào, Quan Huyện. Liêu nhớ ngày tuổi nhỏ cùng cha vượt đèo vào bờ Bắc sông Thu lập nghiệp. Một đoàn người biệt xứ ra đi, từ đâu đó, tới đâu đó. Có dấu chân người là có con đường, có xóm làng, những dây thân ái cùng khổ đau nối kết, giảng tơ, và có những tên tuổi để gọi danh cho nó. Con người đã làm ấm đất đai vốn nghìn xưa tẻ lạnh.

Thuyền buồm trôi dạt được hai đêm ngày thì bọn họ thấy đất liền mờ mờ. Rất vui mừng, nhưng ba cha con Liêu lo ngại rằng có phải mình đã đi đúng cái hướng mình muốn tới, hay sẽ lạc vào một vùng người xa lạ, phải đâm chém vong mạng mình mới tìm được chốn nương thân.

Cả đề nghị không nên cập bờ ban đêm. “Tối trời nguy hiểm lắm”. Liêu nói: “Cập bờ ban đêm sẽ tránh được sự dòm ngó của dân địa phương”. Đôi mắt cứ đăm

đăm nhìn vào mớ vũ khí, nghĩ tới một cuộc đụng độ với người xứ xa lạ, Út nói: “Lần này chúng ta gặp một hoang đảo nữa, ắt thành tiên thành Phật”.

Lúc bình minh rưng rưng ở Phương Đông, vạn vật còn chìm trong lớp sương mờ ảo, thuyền của cha con Liêu cặp bờ an toàn. Trước mặt họ là một vùng nhấp nhô những đồi cát, rừng phi lao thưa thớt. Vượt qua những đồi nương, mặt trời đứng bóng, cha con Liêu gặp những cánh đầm lầy, nước xâm xấp. Rồi những khoảng rừng tràm gần như vô tận. Chưa thấy nhà, chưa thấy khói, chỉ thấy bóng chim bay, tiếng sóng vỗ về sau lưng. Đêm đầu tiên cha con Liêu ngủ dưới một tàng cây da lớn, chim chóc về đây. Họ vui mừng vì trong tiếng chim lao xao có một cái gì tuy xa vắng nhưng quen thuộc. Có khi chỉ gặp bóng dáng thiên nhiên đã nhận ra quê hương mình. Có khi chỉ thoáng thấy màu núi xanh lơ đã nghe lòng nao nức mùi vị quê nhà.

Cha con Liêu cuộc bộ hai ngày đêm thì gặp một cánh đồng khô, sau khi tìm cách vượt qua một con sông rộng. Từ phía hữu ngạn đi lên, trong nắng chiều, họ bắt gặp hình ảnh xa xa một Tháp Chàm. Cái khối xương rồng khổng lồ ấy hiện lên nền trời xanh, làm rực cháy trong tâm cảm cha con Liêu một niềm tin quen thuộc. Họ mừng rỡ nắm tay nhau. Lần đầu tiên những nụ cười của họ có màu sắc, sau nhiều năm xám xịt âu lo.

Họ bắt gặp một con đường mòn. Vậy là đã có dấu chân người. Vậy là da thịt người đã làm mòn mặt đất, cát bụi đã bắt gặp mồ hôi người, người và đất hơn một lần trò chuyện. Sau cùng cha con Liêu đi vào một vùng đồi thấp. Cả bảo: “Hãy gắng đi lên cái ngọn đồi cao nhất kia kìa”. Ý của Cả là nhân đó có dịp quan sát chung quanh, tìm phương hướng cho ngày mai tiếp tục hành trình.

Lúc lên tới ngọn đồi cao nhất là lúc mặt trời sắp lặn. Hoàng hôn tím tím, nhãn quang của cha con Liêu bỗng rực rỡ một không gian thoáng rộng khi xa xa bên dưới là con đường quan lộ, có lẽ là xuyên Bắc Nam, những ánh đèn leo lét của vài xóm nhà, những rặng cây bóng tối. Con sông ngoằn ngoèo dẫn về Nam, không một cây cầu. Tất cả hãy còn nhuộm vẻ hoang sơ, đầy đậm chất huyền ảo, của miền đất một dân tộc bỏ đi và một đám di dân chưa kịp tới. Bóng tối thì luôn luôn giống nhau nhưng cái màu sắc nhân văn, cái ẩn số thần linh hãy rất là khác nhau. Ở những cực điểm của hoàn cảnh, con người luôn luôn bị vò xé bởi tâm cảm khó định hình. Mỗi cha con Liêu rơi vào một trạng thái tinh thần hoàn toàn khác nhau. Cậu Út rất ngợp trước những cơn gió không biên cương nơi đỉnh đồi. Cậu lại ngạt thở trước tình huống tự do, mà theo cậu, không đáng tán dương gì. Cậu muốn chết ngay tức thì.

Đêm đó, cha con Liêu ngủ trên một khoảng đất trên sườn đồi phía Nam – hầu hết những xóm làng trên sườn đồi hay sườn núi Việt Nam đều nằm ở phía Nam. Vì sao vậy? Vì họ tránh gió mùa Đông tanh lạnh, từ phương Bắc thổi vào. Mọi người mệt mỏi, không ai nói với nhau được điều gì. Mỗi người ôm ấp một an lành riêng tư, nhấm nháp cái hương vị đất liền sau nhiều năm xa cách. Dấu hiệu phục sinh được họ nhận ra trong tiếng chim rừng quen thuộc, trong mùi cỏ, và trong từng lá cỏ đăm nhói dưới bờ lưng không mềm chiếu.

Khuya, trời lạnh buốt. Trần Liêu tìm cách đốt một đống lửa. Cha con ngồi vây quanh sưởi ấm, những bộ xương hồng. Liêu nói: “Chúng ta lập nghiệp tại nơi đây được rồi các con ạ”. Cả nói: “Hãy đi thêm nữa. Ngày mai có khi chúng ta tìm được một vùng đất phì nhiêu lý tưởng hơn”. Út nói: “Chúng ta là những người trồng kiếp người cho mai sau chứ không phải trồng cây măng cây lúa”.

Không gian như đượm hương. Đêm một màu đen tuyền, muôn nghìn mắt tinh tú. Cách đó không xa, sóng bờ Bắc sông Thu vây bủa, và những bầy voi tràm mặc

đi, những con cọp vồ người vẫn còn giấu mặt chờ sáng. Đã đổi Quan Huyện mới, nhưng Phú Hào đã xây cất thêm được những dãy nhà mới. Cuộc sống vẫn tiếp tục đồng bộ đi tới bằng những bước chân ác quỷ trá hình, và trong hiện thực màu xám hãy còn nhiều đầu lâu khoác mặt nạ.

Đám lửa giữa cha con Liêu bùng lên, và những đám hồng reo nổ, do những thanh cây có chất dầu. Cậu Út dỗi đôi mắt vào đêm, như tìm cái tiền kiếp của cậu, hay cái gì đó mà cậu vẫn cứ mơ màng là một phần hồn đang cất cánh bay đi. Một số những con nai con sóc thấy ánh lửa chạy tới nhưng thấy người chúng lại phóng mình đi, với chim chóc, cọp, beo, cả chuồn chuồn châu chấu trên ngọn đồi này, trong khu núi thấp triền miên là rừng này, đêm nay, bọn chúng nhận ra rằng đã có bọn người đặt chân tới, nghĩa là rồi ra, chúng sẽ tìm nơi nương thân khác. Giữa đêm tịch mịch, trong ánh hồng soi mặt, Liêu nhìn hai con rồi đột nhiên nói, giọng đầy âm sắc ngọt ngào:

-Các con, hãy vui sống để làm lại tất cả. Chúng ta đang, và sẽ bắt đầu. Dẫu là trong đêm tối mịt mùng, nhưng trên quê nhà, hôm nay ta đã đốt được một ngọn lửa hồng.

Ngọn lửa hồng ấy được đốt lên cách đây gần sáu trăm năm, ngày Quảng Nam thuộc về đất Việt, những cư dân đầu tiên đã tới. Ngọn đồi xưa kia cha con Liêu tới đốt lửa nay là Nồng Ông Tào. Ngày nay quanh đấy đã đầy những nương rẫy, xóm làng, cuộc sống cứ mãi đổi thay và tiếp tục. Những dấu vết xưa, nay có xóa nhòa, tà huy hay bùng sáng, hy vọng nổi hy vọng, khổ đau chồng chất khổ đau, máu pha máu, mồ hôi cạn dần trên mỗi xác thân lương thiện, cuộc sống con người có khai mở, sự lạc hậu tối tăm có thể bị đẩy lùi, nhưng không phải vì vậy mà những manh tâm nơi con người cứ tuần tự phai tàn đi. Mỗi một con người sớm mai đẩy cửa ra đường đã nhanh chóng có một thằng bản ngã của nó huênh hoang và lều láo bước theo, và con người lương thiện ấy vẫn tưởng nó, cái phần phân thân kia, đương nhiên phải có như một chiếc bóng của ta trên mặt đường, dưới bóng mặt trời. Ngày ngày chúng ta phải cứ hòa nhập với kẻ thù, chung cùng một trái tim.

Thuở bé tôi từng nghe cha tôi kể câu chuyện trên, vẫn buổi tối trăng lên ở ngọn cây gòn đầu ngõ, tiếng chuyện trò văng vẳng của các thôn nữ ở vườn bên, tiếng chim đêm cùng trái rụng, gia đình quây quần bên mâm cơm, trên cái sân gạch lung linh ánh trăng, lót dưới mâm cơm là chiếc chiếu trải nền. Và lót dạ thêm cho những bữa ăn thiếu chất là các truyện cổ tích, giai thoại, những câu đồng dao, những câu tiểu lâm. Cái hương vị quê mùa thơ mộng ấy làm câu chuyện về cha con Trần Liêu thấm đậm trong tôi. Đầu óc trinh bạch của tôi thuở ấy giữ mãi câu chuyện trong một thần thái an lành.

Câu chuyện Trần Liêu không phải là chính sử, chẳng là chuyện thần thoại, cổ tích, thậm chí có người cho rằng đó là một câu chuyện không thể có thật. Tôi không nghĩ như thế. Bị một đau khổ đích thực còn hơn có một niềm vui giả tạo. Bằng vào tính chất trong sáng, nhân bản, không xa lạ với hiện thực, tôi tin rằng câu chuyện Trần Liêu có thật. Nếu không, chúng ta để Tình Người đi đâu, khi ngày nay nhìn mặt, gọi là mặt người.

Ngọn lửa kia đã tàn trong thiên thu. Con cháu Người Đốt Lửa hãy còn. Lửa ấy không chỉ là một thứ ánh sáng vô cảm, trong một xã hội máy móc, lạnh lùng. Lửa ấy cũng không siêu nhiên xa lạ, cũng không nằm chết trong ý nghĩ hạn hẹp hiện thực của lửa. Nó có thể đã biến thành một dạng ánh sáng khác, đậm đà như ca dao, rực

rõ như lời ca hạnh phúc, hay ngậm ngùi như tiếng hát gọi nát lòng của những thân phận hẩm hiu của Mẹ, của Giao Châu.

Ngọn lửa thiên thu kia đã có một linh hồn và một tác động vĩnh cửu. Chúng ta ghi nhớ lại, cũng có nghĩa là sẽ đốt lên.

Và, chúng ta chẳng hề quên câu nói tiềm vọng của Liêu: "...Chúng ta sẽ bắt đầu làm lại tất cả. Dẫu rằng trong bóng tối mịt mù, nhưng trên quê nhà, hôm nay chúng ta đốt một ngọn lửa hồng".

7.9.91

Cung Tích Biền

EN TRAVERSANT LE FLEUVE

traduite par Phan Huy Đương de la nouvelle Qua Sông

À peine émigrée sur la rive Nord du fleuve Thu, la famille Trần Liêu fut assaillie par le malheur. Les calamités se succédèrent. Des étés de flammes, des hivers de glace, les inondations, la sécheresse, la grêle, les orages, les vers et les insectes ravageaient les rizières épanouies, les fourmis rouges faisaient leurs nids dans les pousses de bambou, les serpents pullulaient dans le puits, les crocodiles se réchauffaient sur le sable le long du fleuve chauffé à blanc. Le vent annonçait des catastrophes. À l'embouchure du fleuve, la mer démontée présageait la dévastation et les ruines.

Par la culture qu'on leur inculquait, les hommes ne croyaient pas aux réalités, leurs perceptions étaient sans cesse faussées, elles les inclinaient à la crédulité. Les prières, les oracles germaient par-ci par-là. Les sorciers leur enseignaient des croyances obscures, des mensonges, ils enfonçaient la foi et la morale dans le gouffre de la superstition. On vénérait des serpents à deux têtes, des coqs à quatre pattes, des crabes à face humaine, des tigres qui parlaient. Les rumeurs se propageaient, les chants populaires, les histoires pour rire se répandaient à tire-d'aile, se mélangeaient à des faits imaginaires. La société moribonde devenait de jour en jour plus irréaliste. Les charlatans s'installaient, les filous s'enrichissaient, les intellectuels délaissés vivaient dans le silence et l'aveuglement. Les esprits et les cœurs s'imbibaient de poisons.

D'année en année, les dettes de Trần Liêu, capitaux et intérêts, s'accumulaient, impossibles à rembourser. Phu Hao, le riche créancier, menaça de raser sa maison, de l'enchaîner, de le traîner devant la justice du mandarin. Trần Liêu se résigna à lui offrir sa fille cadette (la jolie Giao Châu) dix-sept ans, comme concubine pour régler sa dette. Il était entendu que Phu Hao la lui rendrait dix-sept ans après. Mais Phu Hao en fit cadeau au mandarin. Le mandarin s'enticha de Giao Châu au point de délaissier sa femme. L'épouse fit empoisonner Giao Châu.

Liêu n'apprit l'assassinat de sa fille que plusieurs années plus tard. Il vint se plaindre à la cour du mandarin. Le mandarin dit:

-Tu as donné ta fille à Phu Hao pour régler ta dette. Ta fille est donc une marchandise, n'importe qui peut en user. Quand on utilise une marchandise, elle s'use et se dégrade. Comment oses-tu encore faire des réclamations ?

Liêu s'obstina à crier contre l'injustice, à pleurer sa fille. Furieux, le mandarin ordonna aux soldats de lui assener trente coups de nerf de bœuf, en plein soleil, au milieu de la cour mandarinale. Puis ils le chassèrent. Le mandarin joua tout de même la générosité et offrit quelque argent à Liêu. Liêu refusa.

Liêu revint à la maison la tête embrasée par la haine, le dos sanglant. Il dit à sa femme et ses fils :

-Quittons ce pays, on n'a plus le choix.

La femme tenta de le raisonner:

-Nous ne sommes que des gens du peuple, il faut savoir se résigner pour vivre, pourquoi abandonner notre village, notre pays. Pour où aller, et où revenir ?

Le fils aîné de Trần Liêu dit:

-Il n'y a qu'à tuer ces tyrans !

Le cadet dit, rêveur:

-Ne peut-on pas vivre sans roi et sans mandarins ?

Il était clair que leurs opinions divergeaient. Liêu voulait quitter un monde tyrannique pour une terre plus hospitalière, par exemple en traversant le fleuve pour aller au Sud. La femme obéissait, mais elle ne voulait pas abandonner la terre où reposaient les ancêtres, se souvenant des épreuves passées, elle redoutait de partir en quête de la Terre Promise. L'aîné voulait se révolter et, si nécessaire, noyer la cour impériale dans le sang. Le cadet préférait l'anarchisme:

-On vit pour soi, on s'en fout du roi et des mandarins.

Partir ? Rester ? Tuer le mandarin ? Ignorer la cour ? Néanmoins, un lien invisible, mystérieux liait les membres de cette famille: on discutait de tout, mais finalement on suivait la décision du père. Ils partiraient. Ils comptaient rester dans leur patrie bien-aimée, mais ils iraient s'installer sur l'autre rive du fleuve Thu. Il leur fallait absolument être sur l'Autre-Rive. L'autre rive du fleuve que le destin avait nommé Thu.

C'était l'hiver. Un froid terrible. Le vent sec soufflait par rafales, desséchant, jaunissant les forêts, les montagnes prêtes à s'embraser. Le courant du fleuve Thu était violent, l'eau creusait la rive Sud, démolissait la rive Nord, créait d'épaisses couches d'alluvions, d'immenses baies. Tous les jours, un soleil rouge comme un bloc de sang pointait brièvement avant d'être englouti par les nuages noirs. La voûte du ciel se dissolvait dans une étendue vague et grise. Quand le fleuve se déployait, les vagues mugissaient comme en pleine mer.

En ce temps-là, la rive Sud du fleuve Thu était encore peu habitée. La rive Nord était parsemée de quelques villages ou hameaux. Des forêts clairsemées, des collines, des montagnes, séparaient les pauvres villages de bambou. Il fallait plusieurs journées de marche pour atteindre le district. Les mandarins se déplaçaient à cheval, en chaise à porteurs, le peuple allait à pieds. Les mandarins avaient des gardes du corps, les gens du peuple s'armaient de lances et de sabres pour affronter les serpents, les éléphants, les sangliers. Les paysans rencontraient souvent des bêtes féroces en allant aux champs. Les tigres fonçaient sur les hommes qu'ils surprenaient pour les déchirer à belles dents. Mais quand les hommes repéraient en premier les tigres, ils les tuaient, ils les mangeaient, ils habillaient leurs corps ou leurs huttes avec les peaux. Parfois leur combat restait indécis, ils grondaient, et ils se séparaient, le tigre en sang se réfugiant dans les montagnes, l'homme ramenant ses blessures dans les mains de son épouse, de ses enfants. Les tigres tuent l'homme par instinct. Les hommes tuent les tigres pour survivre.

Trần Liêu a une puissante stature d'ours. L'Aîné ressemble au père, il prend quatre repas par jour, une grande marmite de riz chaque fois, l'idée de tuer Phu Hao et le mandarin l'obsède. En lui coule le sang de l'homme qui veut se dresser sous le ciel et raser les "herbes sauvages" avec son sabre. Le Cadet est mince, il a la peau blanche, les yeux profonds, le nez droit, la démarche élégante, il aime les lettres et la poésie, il méprise les gens, mais il a peur de combattre les tigres et de tuer les hommes. À ses yeux, cette existence n'est que provisoire, dans sa longue marche, cette terre n'est qu'un détour, elle ne mérite pas de longues et profondes considérations qui épuisent et désolent son être.

Enfant, au cours d'une ballade, le Cadet s'est égaré dans l'ancre d'une tigresse. Liêu et l'Aîné sont partis à sa recherche, lance en main. Ils ont retrouvé le Cadet blotti contre un bébé tigre au pelage luisant, couleur de placenta. Liêu prend le

Cadet dans ses bras, il l’emmène hors de la grotte. L’Aîné brandit sa lance. Liêu l’arrête:

-Ne tue pas le bébé tigre !

Au pied de la montagne, ils rencontrent la tigresse. Liêu dit de nouveau à l’Aîné,

-Défends-toi, mais ne la tue pas. Elle a un bébé dans son antre.

Liêu et ses fils coupent le bois pour fabriquer un bateau. Ils forgent de nouvelles armes.

Il suffirait d’une petite barque pour franchir le fleuve, mais ils construisent un assez grand bateau, comme pour franchir la mer. Liêu explique qu’il faut tout emporter, les tables, les chaises, les armoires, les lits, les pilons, les mortiers, la meule à moulin le riz.

-On s’en va définitivement, on ne reviendra plus jamais ici, emportez tout.

Et puis, de l’autre côté du fleuve, il n’est pas dit qu’ils gagneront facilement leur vie dans un premier temps.

La Mère prépare les provisions, les habits. Elle cueille des feuilles dans la forêt, elle les met à sécher, sans doute des médicaments traditionnels pour se soigner tant qu’ils ne sont pas encore adaptés au nouveau climat. En voulant déménager l’autel des ancêtres, elle s’aperçoit que le coffre contenant l’arbre généalogique et l’histoire de la famille est rongé par les mites, de même que la statue de Bouddha. Les objets sacrés gardent leur apparence tant qu’on n’y touche pas. Mais il n’est plus possible de les déplacer. Ils se désagrègeraient. Ils tomberaient en poussière insignifiante. Quelque chose d’effrayant, une foi rongée par les mites.

La Mère en parle à son mari. Pris de panique le temps d’un éclair, Liêu dit gravement:

-Jetons tout ce qui est pourri, ce n’est pas la peine de repeindre, nos pères, nos mères, Bouddha sont dans nos coeurs.

L’hiver passe. Le printemps arrive, étrange. La famille Trân Liêu vient à peine de fêter le Têt de l’adieu, elle s’apprête à partir, la pluie se met alors à tomber, interminable, et le vent du Nord à souffler, sec, glacé. Partout, les pêcheurs refusent de fleurir. Les arbres en forêt restent nus. La désolation couvre les montagnes, les collines. En permanence, un ciel de plomb. En plein premier mois du printemps, les insectes par millions saccagent les champs, les rizières. Les sauterelles, les fourmis aux longues pattes envahissent les maisons, les jardins. Les champs dorés de moutarde se couvrent de mouches noires. Les cadavres de papillons, d’abeilles aux couleurs vives et gaies jonchent le sol. Les souris, les rats musqués, les surmulots rampent effrontément en plein jour à travers les jardins. Les vers pullulent dans les fruits mûrs. L’eau des rizières se teinte de rouge. Le soleil s’y mire dans des reflets multicolores, mystérieux, blessant le regard. Le crépuscule, léger comme un voile de soie, devient menaçant: “Un printemps démoniaque”.

Un jour, le mandarin rend visite au peuple pour lui souhaiter la bonne année. Il en profite, il fait un détour chez Phu Hao pour y festoyer et violer discrètement quelques jeunes paysannes. Informé, l’Aîné saisit sa lance. Liêu l’arrête:

-On ne peut tuer des hommes qui n’ont pas encore été jugés !

L’Aîné réplique:

-Ce ne sont plus des hommes. Et puis qui va siéger au tribunal ? Qui va juger?

La Mère pleure de terreur, elle supplie:

-De toute façon ma fille est morte, cessez de provoquer la haine.

L'Aîné, furieux:

-Tuer des criminels, venger Giao Châu, est-ce provoquer la haine ?

Le Cadet dit:

-Je vous en prie, enterrez le passé.

Ce jour-là, l'Aîné a délaissé la table familiale, il a dit au père:

-Toute ma vie, tu ne m'as enseigné que la résignation, l'endurance. Tu paralyse la volonté humaine.

Le temps passe, les préparatifs s'achèvent, le jour du départ approche. Liêu rapporte de la peinture pour dessiner une paire d'yeux à la proue du bateau. L'Aîné lave le bateau. Sous la chaleur de l'été, le bois recouvert par la boue fraîche des crues de l'hiver est devenu blanchâtre. Au fond de la coque, un serpent s'enroule dans la boue molle. L'Aîné darde un coup de sabre, lui coupe un bout de queue. Le serpent s'enfuit dans les eaux marécageuses. L'Aîné rit de plaisir:

-Autrefois, Luu Bang a tranché un serpent lors de son départ à la guerre, il est devenu roi par la suite.

Trân Liêu regarde son fils et gronde:

-Tu ne rêves que de sang et de carnages.

L'Aîné dit:

-Mais pour la bonne cause, il est nécessaire de verser le sang.

Le père et le fils rient. Le soleil d'été tape dur. À l'Ouest, la majestueuse cordillère se déploie en milliers de vagues immenses à travers le ciel bleu. Au loin, les nuages blancs, denses et tremblants dérivent jusque dans les profondeurs du fleuve Thu.

Le bateau est juché sur deux cales en bois. Trân Liêu dresse un autel, se met des habits de cérémonie, prend un pinceau, le trempe dans la peinture et dessine les yeux du bateau. L'Aîné le regarde, et demande:

-Les hommes ont des yeux, mais ils ne voient pas le monde qui les entoure, ils errent sans fin dans l'ignorance, à quoi bon des yeux de bois et de pierre ?

Liêu explique:

-Les yeux humains ne sont que de chair et de sang. Il faut des yeux de bois et de pierre pour percer les mystères de la nature.

Liêu n'est pas un artiste, mais il réussit à peindre de très beaux yeux sur le bateau. La cérémonie achevée, ils installent le gouvernail, et recouvrent le bateau d'un toit.

La Mère regrette profondément son foyer, mais elle doit finalement suivre le mari et les enfants. La tristesse l'envahit. Elle prie les ancêtres. Elle pleure, elle regarde au loin les champs défrichés sur les flancs des collines et des montagnes. Liêu se tient droit au bord du fleuve, il se tourne vers le Nord, joint ses mains et, par trois fois, se prosterne. Ensuite, il se tourne vers le Sud, et il fait trois révérences. Intrigué, l'Aîné demande:

-Pourquoi te prosternes-tu devant le Nord alors que tu ne fais que saluer le Sud ?

Liêu explique:

-Les ancêtres, l'âme de notre race, reposent au Nord.

Le Cadet dit:

-D'après moi, tu devrais te prosterner devant le Sud. Il faut adorer l'avenir. Quant au passé, quelques révérences suffisent largement !

Liêu baisse la tête, soupire, et regarde son fils.

Depuis longtemps une question tracasse l'Aîné:

-Dis-moi Père, il paraît que nous sommes des descendants des rois Trân ?

Liêu dit, solennel:

-C'est exact. Nous descendons en droite ligne de la dynastie des Trân. C'est la décadence qui nous chasse d'ici.

L'Aîné demande encore:

-Comment se fait-il qu'autrefois les Trân aient engendré tant de héros comme Hung Dao, Quang Khai, et qu'aujourd'hui il n'en reste que des voleurs, des escrocs, ou des misérables comme nous ?

Liêu soupire:

-C'est le sort du pays. Un même peuple, à certaines époques, engendre d'innombrables héros, et à d'autres, rien que des imbéciles et des fous. Dans les périodes de prospérité, un simple laboureur sait veiller sur sa dignité et défendre la morale de ses ancêtres. Dans les périodes de décadence, même les dignitaires de la cour ne sont que des êtres vils. Ils courent après la richesse, ils méprisent la morale et, pour assouvir une existence servile, la soif des honneurs et du pouvoir, ils s'entre-tuent sans pitié. Cela arrive à tous les peuples de l'humanité. C'est le destin. Mais il ne faut pas s'en désoler. De la boue renaîtront des héros, de grands rois. La vie humaine en sera améliorée, fortifiée.

Le bateau est mis à flot par un jour éblouissant de soleil. Le ciel est intensément bleu, sans un nuage. Liêu et l'Aîné s'habillent sobrement, lance et sabre à la hanche, une ceinture en peau de bête autour de la taille, un chapeau en osier sur la tête. Le Cadet ressemble à un sage taoïste dans sa tunique blanche qui flotte au vent. La Mère regarde vers la lointaine rive Sud, là où la Terre Promise se dilue dans une blanche muraille de roseaux. Pas un seul champ de mûriers, pas un seul filet de fumée s'échappant d'un foyer. Une bande de crocodiles nage dans le sillage de leur bateau. L'Aîné lève sa lance.

Liêu l'arrête:

-Suivons notre chemin. Ne leur cherchons pas querelle.

La Mère prie. La voix du cœur se mélange aux eaux du fleuve, à la chaleur du soleil, à l'attente affamée des crocodiles le long des flancs du bateau.

Ils traversent le fleuve. Pas de pont en vue à travers l'immensité des eaux. Pas un cheval de poste ne chemine sur la berge, en direction du pont mandarinal à plusieurs jours de marche de là.

Autrefois, la famille Liêu a entendu des voyageurs revenant du Sud raconter ce que leurs yeux ont vu, ce que leurs oreilles ont entendu. L'Aîné et le Cadet ont été plutôt séduits d'apprendre l'existence non loin de là d'un chemin vers l'Ouest qui mène dans les montagnes. Un immense fleuve coule du sommet de la montagne en direction d'une autre montagne, un étrange fleuve de légende, qui semble couler à l'envers, parce que nos yeux sont habitués à voir les fleuves couler vers la mer. C'est à l'ouest de Quang Nam (là où la terre s'ouvre vers le Sud) que la famille Trân Liêu, des descendants de rois, veut s'installer. Des montagnes sans fin, abruptes. Des vallées profondes, silencieuses, mystérieuses. Vers la mer, des stupas Cham se

dressent comme de gigantesques cactus. La terre est couverte de végétation sauvage.

On raconte que la capitale d'un ancien royaume est ensevelie quelque part dans le cœur d'une montagne. Autrefois un peuple a enterré sa capitale en la couvrant de terre avant de s'en aller. Il pensait que la terre, comme une tombe, conserverait éternellement sa capitale. Cette montagne, c'est la Montagne de l'Homme une tombe désolée, mystérieuse. De nos jours, cette poésie épique ne hante pas seulement les manuels d'histoire, elle imprègne la blancheur des roseaux à flèches qui endeuillent les flancs des montagnes. À l'aube, les montagnes sont noyées dans une mer de brumes et de fumées. Au crépuscule, elles sombrent, inertes, dans un étrange silence, sous un ciel flamboyant, sanglant. Puis elles se diluent dans la nuit immobile, elles cherchent à se réincarner dans les ténèbres.

Le bateau glissait paisiblement quand, soudain, le courant s'accélère. Des branchages, des lentilles d'eau venues de nulle part envahissent le fleuve. Les eaux deviennent noires, insondables. Liêu passe le gouvernail à l'Aîné, et saisit une rame. Remplaçant la gaieté, l'inquiétude s'installe. Le fleuve semble enchanté, ses rives s'écartent toujours davantage. Plus Liêu rame, plus il tend ses efforts vers l'avant pour traverser le fleuve, plus la rive Sud s'éloigne, se dissout. Au Nord, les berges se perdent dans les marécages et les forêts clairsemées. Le ciel ensoleillé se couvre de nuages. Le vent s'est tu qui murmurait des légendes. Un orage éclate. Il brise, il secoue, il ébranle l'air de milliers de grondements furieux. Le vent creuse la surface du fleuve, soulève des colonnes d'eau dans l'air. Et la pluie tombe, dense, interminable. Des trombes d'eau submergent le bateau. On sent la peau, la chair, le visage se déchirer sous les éclairs d'argent de l'eau qui gicle.

L'Aîné s'essuie le visage et dit:

-Nous voilà avec les démons. Ils montrent leurs faces d'enfer. C'est bien la peine de fuir les démons à face humaine pour...

Le Cadet, secouant la manche de sa chemise:

-Effectivement, le dieu de l'enfer se mêle de notre destin.

Liêu, d'une voix impérieuse:

-Gardons notre calme. Le moment est venu de jauger la force humaine.

Dans la conquête de la nature, l'homme désire à la fois la détruire, vivre en paix avec elle, l'humaniser. Il a besoin de la garder en partie dans son cerveau. Ce jeu est souvent dur, il ne manque ni de férocité, ni d'ironie, car chaque adversaire cherche à anéantir l'autre. Les hommes naissent et se multiplient, mais ils se suivent dans les tombes, et leurs chairs s'évaporent en fumées noires dans le ciel bleu. Les hommes anéantissent les microbes, mais les végétaux engendrent sans cesse des milliers et des milliers de nouveaux microbes, plus mystérieux, plus habiles. On rase des forêts, on assèche des lacs. L'atmosphère se charge de poisons, mais on continue à creuser la mer, à dynamiter les montagnes, à triturer les étoiles, à calculer l'âge du soleil. Dans cette logique, la famille Trân Liêu se retrouve maintenant suspendue au fil de l'orage pour subir les tortures de la nature...On peut ne pas croire au paradis et à l'enfer, mais en vérité, ces prémonitions n'ont rien d'abstrait – du moins d'un point de vue symbolique: nous sommes liés, les cieux paisibles portent les orages dans leur sein.

Pour la famille Trân Liêu, le fleuve Thu se présente maintenant comme le chaos originel : la rive Nord sombre dans les ténèbres et la rive Sud se perd dans le

lointain. Ils se sont arrachés du passé, mais ils n'ont pas d'avenir. Ils ont quitté un nuage de fumées noires pour rêver d'un impossible rivage de brumes. Trân Liêu s'est donné entièrement à sa foi en la tempête. Une confrontation sans visages, muette. "Trân Liêu ? Ne regrettes-tu pas d'avoir abandonné un passé monstrueux, nauséux, pour un présent déchiré, houleux ?"

L'Aîné et le Cadet abandonnent la lutte, posant leurs rames contre la coque du bateau. Le ciel continue d'exhiber son masque gris, furibond. Le bateau craque comme s'il allait se casser en deux. La proue bondit comme une bête sauvage sur sa proie, et la poupe, comme un monstre marin, semble vouloir plonger dans les profondeurs de l'eau. Le bateau fonce à gauche, s'élanche à droite, tourne en rond, se précipite au Sud, vire de bord pour revenir au Nord. Il tournoie, libre, sans guide, selon son humeur, prêt à jeter Liêu et ses fils par-dessus bord. Un craquement sec, le gouvernail se brise. Perdant l'équilibre, Liêu tombe la tête la première au fond de la coque. La Mère baisse la tête, essuie l'eau de son visage, et prie. "Comment oses-tu espérer calmer le ciel et la terre avec une chétive prière ?" Mais elle continue de prier, elle croit que la terre a des oreilles pour écouter les plus humbles prières de ce monde.

Bizarrement, malgré de longues épreuves, le bateau n'a pas sombré, il continue de dériver. Puis le vent, les vagues se calment, la paix revient. Et la nuit tombe. Loin dans le ciel, un croissant de lune palpite. Le ciel devient profond, nimbé de mystère. Au début, tout le monde reste lucide. Mais peu à peu, plus personne n'arrive plus à se situer. Ils n'ont même plus le sentiment d'être sur un fleuve ou sur la mer quand ils se sont évanouis. L'air semble imprégné d'un délicat parfum. Une main mystérieuse soutient le bateau sans gouvernail dans sa dérive. Plusieurs jours et plusieurs nuits durant, au lieu de flotter vers la rive, le bateau flotte vers la mer. Finalement, par chance, il échoue sur une île déserte.

L'Aîné se réveille le premier après un long coma. Il se voit étendu sur le sable. Il regarde, hagard, autour de lui, il reconnaît sur son visage le soleil brûlant des après-midis sur les terres sauvages. Le vent charrie l'odeur chaude, nauséabonde de la mer. Les vagues mugissent à l'infini sur la plage lisse et blanche. Au loin, des rochers abrupts se hérissent dans un golfe. Une forêt verdoyante court du pied de l'île vers le sommet d'une montagne. Quelques ailes d'oiseaux voltigent dans le ciel.

L'Aîné s'efforce de se lever, il se rassoit, épuisé. Le bateau repose sur le sable, intact, non loin des corps allongés de son père et de son frère cadet. Sa mère est restée dans la cabine. L'Aîné commence par creuser un petit puits dans le sable, il recueille un peu d'eau dans le creux de sa main, il la boit, puis il prend une poignée de riz et se met à la mastiquer. Ensuite, il secoue les naufragés pour les réveiller.

Ils pénètrent lentement dans l'île, à la recherche d'une grotte pour passer la nuit.

La nuit, il fait très froid, les vagues ronronnent, les oiseaux, les bêtes sauvages crient alentour. Quelques jours après, Liêu et l'Aîné prennent leurs lances et partent à la découverte de l'île. De retour, ils apprennent à la Mère qu'ils n'ont trouvé ni village, ni culture, rien qui révèle la présence ou le passage des hommes sur l'île. La Mère comprend que la famille est tombée dans une situation mortelle. Les provisions sont épuisées. Elle n'avait jamais imaginé qu'ils s'égareraient sur une île déserte.

Jour après jour, la Mère cache ses inquiétudes au fond de son cœur. Elle fait semblant d'être gaie, elle aide son mari et ses enfants, elle raccommode les habits, ramasse du bois, cueille des légumes sauvages, rapporte l'eau qu'elle puise en creusant chaque fois quelques couches de sable dans le puits au bord de la mer. Elle choisit un endroit plat et propre dans la grotte, elle y dresse l'autel des ancêtres. Elle se prosterne des nuits entières devant l'autel, elle prie les morts l'âme de son peuple, ses pères, ses oncles, ses frères, ses sœurs, elle prie les âmes errantes, solitaires, celles qu'une mort atroce a condamnées en fantômes, en démons pour quémander le moment de la délivrance.

Un jour, l'Aîné abat un gibier avec sa lance, il le dépèce. L'homme devient difficilement humain s'il ne se nourrit que de chair. Les légumes sauvages s'épuisent peu à peu. Avalées par quatre bouches, ils finissent par disparaître. On peut certainement cultiver des céréales, des légumes et des arbres fruitiers sur la rocaïlle, mais ils n'ont pas de graines. Heureusement, il y a sur l'île quelques végétaux et des fruits consommables. Mais l'homme n'est pas un singe qui peut se nourrir de ce qu'il trouve dans la nature. Alors le temps, peu à peu, ronge la peau, la chair, le sang et la moelle des humains.

Un soir gris, en l'absence des trois hommes, recroquevillée au fond de la grotte, la Mère entend soudain des bruits à l'entrée. Elle frissonne, elle comprend que des bêtes sauvages sont à la recherche d'un abri chaud. Ils sont en train d'examiner sa grotte. La nuit, elle fait de mauvais rêves. Dans le monde fantasmagique des songes, elle entend les rires gais et douloureux de son mari, de ses enfants. Ils luttent contre un destin amer. Ces hommes vigoureux, courageux, sont en train de se métamorphoser, de se transformer en squelettes.

Certains jours, sous un ciel dégagé, dans la douceur du soleil, la Mère se dresse sur un rocher élevé, elle scrute, hagarde, les quatre horizons, cherchant une trace de terre ferme. Elle suit des yeux le vol des oiseaux, espérant détecter une bande gris vert à l'horizon, ou une voile passant par là. Son désespoir grandit à mesure que les jours, les mois passent, car dans cette immensité vide, intensément bleue, il n'y a aucune trace d'un rivage.

L'hiver glacé revient. Les chemises, les pantalons sont en loques. Trân Liêu est devenu un squelette aux cheveux blancs: un crâne de mort chevelu qui sait encore regarder, rire, que l'anxiété continue de hanter.

La nuit, ils allument un grand brasier pour se chauffer, pour bavarder comme des fantômes au fond d'une tombe, qui se souviennent avec nostalgie de leurs passés sur terre. Ce feu sert rarement à cuire un plat qui contienne du riz. Privée de farine, la peau des hommes a pris la couleur de la peau abdominale des serpents, avec un reflet verdâtre dû à l'appauvrissement en sang du corps, au désir de la terre ferme, à l'attente du retour qui s'engloutit dans la mer de brumes. La famille de Liêu est unie, aimante, solidaire. Mais cette solidarité profonde, courageuse, dans la misère extrême, se charge d'ironie: peu à peu, ils se transforment en singes pour sauver leur dignité d'homme.

Un jour, la Mère dit, ou plus exactement un squelette dit:

-Si je meurs, je voudrais que vous me mangiez pour survivre quelque temps encore.

Liêu se mord la lèvre, il siffle entre ses dents:

-Cesse de proférer des blasphèmes.

La Mère, gravement, répète sa prière, comme un oracle sacré, comme le sang qui coule dans ses veines:

-Comment ça, des blasphèmes ? Je suis l'univers qui leur a donné la vie. Quand ils étaient dans mon ventre, ne se sont-ils pas nourris de ma chair, n'ont-ils pas respiré l'air de mes poumons, n'ont-ils pas aspiré la moelle de mes os ? Fœtus sauvages, ils se nourrissaient de chair humaine. Maintenant qu'ils sont devenus des hommes, ils veulent par une morale hypocrite refuser le dernier don.

La Mère raconte alors à ses deux fils une parabole pleine de mystère. Jadis, un groupe de prisonniers s'échappa d'un bague sur une grande île l'enfer sur terre. Ils dérivèrent sur un radeau de fortune sur l'océan, ils échouèrent sur une île déserte. Ils étaient affamés, malades, mais c'étaient d'authentiques prisonniers politiques, ils ne désespéraient jamais, ils gardaient leur courage et leur lucidité devant le danger. L'un d'eux décida de se suicider. Pourquoi ? Pour nourrir ceux qui restaient. Cet homme indomptable savait que ses compagnons utiliseraient son corps éphémère pour continuer de réaliser au profit de tous les hommes l'œuvre de toutes les générations.

Saisis par l'horreur, l'Aîné et le Cadet gardent le silence. Ils baissent la tête et pleurent. La flamme rouge continue de brûler au milieu du déluge. Cette féroce contradiction reste un catalyseur de la vie. Les coutumes doivent parfois céder le pas à la grandeur humaine : une cassure suprême dans un moment de crise et qui ouvre la voie à une fin.

La Mère regarde l'océan du fond de la grotte. Le ciel est étrangement calme en cet instant. Les mouettes rasant les eaux bleues. Les vagues aux crêtes blanches chassent vers le rivage des milliers d'ailes argentées, scintillantes de soleil. La Mère dit de sa voix chaleureuse:

-Écoutez-moi, enfants. Ici, il ne manque pas de gibier. Mais mangez mon corps. Ce n'est pas de la chair humaine. Jamais je ne serai que de la chair. Je suis la chair divine.

Ces paroles résonnent comme un mauvais augure. Deux jours plus tard, elle meurt dans la grotte glacée. Les hommes transportent son corps sur une roche élevée, plate. La mer est immense, dégagée. Le ciel est profond, bleu. Les étoiles brillent en plein jour. Les albatros volent à tire d'ailes, les ailes du paradis. Au loin, très loin, un arc-en-ciel aux sept couleurs s'incline légèrement. Là, peut-être, il pleut dans du soleil, là les esprits se rassemblent pour accueillir l'âme la plus pure, la plus noble, la plus belle.

Pas de lumière, pas d'encens, pas de fumées. Ni trompette ni tambour. Seulement des vagues blanches mugissant au loin. Seulement le murmure lancinant de la forêt. Et l'Aîné qui danse comme un fou avec sa lance. Il veut frapper le soleil, il veut trancher les nuages blancs, il veut hacher le vent chantant, il veut faire couler le sang de la pierre.

À la fin, l'Aîné plante violemment sa lance dans le sable, il baisse la tête, et il sanglote.

Trân Liêu enterre en silence sa femme au pied d'un grand rocher, la tête tournée dans la direction où il croit trouver la terre ferme, le pays natal. Ulcéré, il dit à ses enfants:

-Giao Châu, ma fille, est morte assassinée par les tyrans. Maintenant, ma femme bien aimée est morte misérablement pendant que nous fuyons. Si jamais je le

rencontrais, si jamais il existait en chair et en os, je trancherais la tête de ce salaud de Destin.

La Mère repose dans la terre depuis quelques jours quand, un soir, l'espace prend de nouveau un visage fantastique. Le ciel baigne dans une marée d'or liquide, les nuages voguent en frémissant, la mer est plate, silencieuse. Au loin, l'arc-en-ciel reparaît comme une lumineuse porte qui s'ouvre sur le ciel. La terre semble sculptée en un merveilleux paysage. Une baleine flotte vers le rivage, une petite barque l'accompagne. Quelques minutes après avoir atteint le rivage, la baleine meurt. Les hommes découvrent dans la barque quantité de provisions, de médicaments, de vêtements. Il y a aussi quelques armes, une boussole et une carte maritime. Les cinq passagers sur la barque sont tous morts, le corps ensanglanté. Le sang imprègne des sacs de riz, on dirait du riz gluant teinté de momordique.

Et le temps passe.

Liêu et ses fils vivent depuis dix ans dans l'île sauvage. Ils ont construit une chaumière, ils ont semé des graines, ils ont planté des arbres. Ils ont donné une âme à une partie de l'île. Ils ont dressé une stèle en pierre sur la tombe de la Mère. Ils ont gravé la pierre. Ils laissent des signes, des recommandations dans la grotte, espérant guider un jour les malheureux qui, comme eux, échoueront sur l'île sauvage. Depuis longtemps, hantés par la nostalgie de la terre ferme, ils cherchent un moyen de rentrer. L'oiseau a son nid, l'eau a sa source, Liêu et ses fils languissent de la terre natale, de la voix de leurs compatriotes.

Ils apprennent à utiliser la boussole, la carte maritime, ils amassent des provisions, ils abattent des arbres, coupent des planches pour construire un bateau. Heureusement, pendant ce laps de temps, quelques bateaux de commerce ont abordé l'île. Ils ont eu l'occasion de rencontrer des marins blancs qu'ils considéraient comme des sauvages une belle variété d'homme des bois. Instruits par l'expérience, ils se préparent plus minutieusement, discutant soigneusement les moyens d'affronter les éventuels dangers.

Trân Liêu est maintenant un vieillard expérimenté, il n'a plus sa vigueur d'antan, sa foi aussi s'est érodée. Il n'ose plus affirmer la possibilité d'avoir de la chance dans l'avenir. L'Aîné est devenu un homme endurci, résolu. La solitude, le malheur, les privations, le désespoir l'ont mûri, forgé en un homme audacieux, énergique, sûr de son but dans la vie. Quant au Cadet, il a évolué autrement. Il est souvent triste, angoissé, il présente des symptômes de dérangements mentaux. Où qu'il aille, il se voit entouré de malheurs. Les angoisses métaphysiques, les pensées abstraites pèsent en permanence sur son esprit. Peut-être deviendra-t-il un artiste solitaire qui chantera la beauté dans sa douleur particulière, se résignant à un monde incompréhensible pour l'aimer quand même, et vivre pour lui. Le Cadet aime rêver, mais il ne croit pas aux serments, il méprise la vie, il recherche l'anarchie, il n'a pas le sens de l'organisation. Pour lui, l'espoir est source de tristesse, et le désir n'annonce que la douleur. Le Cadet pense que l'homme, comme le ver à soie, tire de ses entrailles les fils de l'ambition pour tisser le cocon qui finira par l'étouffer.

Ce matin-là, le ciel est clair, dégagé. Après les dernières vérifications, Liêu et ses fils font leurs adieux à l'île sauvage, ils descendent dans le bateau, ils tendent les voiles, et s'en vont. S'en aller ? C'est-à-dire qu'ils reviennent.

Quand ils ont quitté leur petite chaumière, Liêu a regardé la tombe de sa femme au pied du grand rocher, les sillons dans les champs où les pousses

verdoient, les fleurs jaunes autour des haies, les chèvres libérées de l'enclos qui reviennent errer dans le jardin, comme par nostalgie, et broutent les pousses vertes sur les haies. Ému, Liêu dit:

-C'est notre seconde patrie, elle est imbibée de notre sang, de notre sueur !

L'Aîné dit:

-Un jour, sûrement, nous reviendrons ici. C'est sans doute une île de notre patrie.

Flottant sur les vagues argentées, Trân Liêu pense, obsédé, au fleuve Thu, à Giao Châu. La colère et la haine contre Phu Hao et le mandarin envahissent son cœur. Il se souvient. Petit, il avait accompagné son père, il avait franchi les cols des montagnes pour venir s'installer sur la rive nord du fleuve. Des hommes quittaient leur terre natale, qui venaient de quelque part et s'en allaient quelque part. Là où ils imprimaient l'empreinte de leurs pas, des routes se dessinaient, des villages, des hameaux poussaient, l'amitié, la douleur tissaient des liens, des solidarités, on inventait des mots pour les nommer. Des humains ont réchauffé cette terre fade et froide depuis des millénaires.

Après deux jours et deux nuits d'errance, ils voient la silhouette pâle de la terre ferme. Après un instant de joie, ils sont saisis par l'angoisse. Peut-être n'ont-ils pas pris la bonne direction, peut-être se sont-ils égarés dans une terre étrangère où il leur faudra de nouveau affronter les massacres pour se faire une place au soleil.

L'Aîné propose de ne pas accoster en pleine nuit.

-C'est dangereux dans le noir.

Liêu dit:

-La nuit nous protège du regard des autochtones.

Les yeux rivés sur les armes, imaginant une bagarre contre des étrangers, le Cadet dit:

-Si nous sommes tombés une nouvelle fois sur une île sauvage, nous deviendrons des anges, des bouddhas.

L'aube illumine l'Orient, tout est encore plongé dans un mince voile de brume trouble, quand le bateau aborde paisiblement la rive. Sous leurs yeux s'étalent des dunes, des forêts clairsemées de filaos. Ils franchissent des collines cultivées, le soleil se fige au zénith, ils rencontrent des marécages inondés. Puis, à l'infini, des forêts de cajepus. Pas encore de maisons, pas encore de fumées, rien que des ailes d'oiseaux à travers le ciel et le mugissement des vagues dans le dos. La première nuit, Liêu et ses fils se couchent sous un grand banyan où les oiseaux viennent en foule se nicher. Ils s'en réjouissent. Dans le piaillage des oiseaux ils reconnaissent un air familier bien que lointain. Parfois, on reconnaît sa terre natale rien qu'à l'apparence des lieux. Parfois, le cœur s'exalte des odeurs et des saveurs du pays natal rien qu'à la vision fugace d'un reflet bleu sur une montagne.

Après deux nuits et deux jours de marche, après avoir cherché à franchir un grand fleuve, Liêu et ses fils tombent devant un champ desséché. Regardant vers la rive, ils voient au loin la silhouette d'un stupa Cham dans le crépuscule. Ce gigantesque cactus se dressant dans le bleu du ciel, allume dans leur cœur une foi familière. Fous de joie, ils se serrent les mains. Pour la première fois depuis des années de ténèbres et d'angoisse, leurs sourires arborent des couleurs.

Ils croisent un sentier usé. L'empreinte des hommes. Ici, leurs pieds ont raboté le sol, leur sueur a imprégné le sable et la poussière. Ici, l'homme et la terre

ont une fois dialogué. Finalement, Liêu et ses fils pénètrent dans une région de basses collines.

L'Aîné dit:

-Encore un effort, grimpons sur le sommet de cette colline, elle semble la plus haute.

Il veut observer les alentours pour orienter leur marche le lendemain.

Il atteint le haut de la colline quand le soleil commence à se coucher. Le ciel se couvre de lueurs mauves. Sous leurs yeux s'ouvre soudain un espace immense. Loin, en bas, la route mandarinale – sans doute celle qui relie le Nord au Sud – et les lumières tremblantes des hameaux, au milieu de l'ombre épaisse des bosquets. Le fleuve déploie ses méandres vers le Sud. Pas un pont. Tout est encore imprégné de l'air sauvage, rudimentaire, fantastique d'une terre qu'un peuple vient d'abandonner, et qu'un autre peuple n'a pas encore eu le temps d'occuper. Partout, les ténèbres se ressemblent, mais la nuance d'une culture, l'âme secrète d'une terre est terriblement différente d'un endroit à un autre. Dans les moments extrêmes, l'homme est souvent déchiré par des sentiments indicibles. Chacun des trois hommes sombre dans un état totalement différent. Le Cadet a le souffle coupé par les grands vents qui balaient les crêtes des collines. En même temps, la liberté qu'il n'approuve pas, l'étouffe. Il sent l'envie de mourir.

Cette nuit-là, Liêu et ses fils dorment sur le flanc Sud de la colline presque tous les villages des collines du Vietnam se nichent sur le flanc Sud. Pourquoi ? Pour s'abriter contre le vent glacé et puant qui souffle du Nord. Les trois hommes sont harassés, ils n'arrivent plus à se parler. Chacun berce en son cœur sa propre paix, et goûte la saveur de la terre ferme après tant d'années de séparation. Ils reconnaissent leur rédemption dans la voix familière des oiseaux, dans le parfum des végétaux, dans les pointes des herbes qui piquent leurs dos posés à même la terre.

Tard dans la nuit, le froid s'aiguise. Trân Liêu allume un feu. Père et fils se réchauffent autour de la flamme: des squelettes ardents.

Liêu dit:

-Ici, nous pouvons nous installer, mes fils.

L'Aîné dit:

-Avançons encore. Demain, nous trouverons peut-être une terre plus fertile.

Le Cadet dit:

-Nous édifions la dignité humaine pour les hommes à venir, nous ne plantons pas des bambous ou du riz.

L'air semble saturé de parfum. Dans la nuit d'encre, des milliers d'étoiles scintillent. Non loin de là, les vagues assiègent la rive Nord du fleuve Thu, des troupes d'éléphants avancent en silence, et les tigres mangeurs d'hommes se cachent en attendant le jour. Un nouveau mandarin a remplacé l'ancien. Mais Phu Hao s'est offert de nouvelles rangées de maisons. La vie continue sur sa vieille trajectoire, déguisant l'empreinte infernale de ses pas, le monde réel recèle encore de nombreuses têtes de mort parées de beaux masques.

La flamme fuse, les branches de rosiers imbibées d'huile crépitent. Le Cadet fouille des yeux les ténèbres, comme pour chercher une vie antérieure, ou quelque chose qu'il rêve être son âme déployant ses ailes vers un ailleurs lointain. Des biches, des écureuils accourent, attirés par la lumière du feu, mais ils s'enfuient aussitôt à la vue des hommes. Les oiseaux, les tigres, les sangliers, les libellules, les

sauterelles, sur cette colline, dans ce coin de montagne basse submergé de feuillage, cette nuit, comprennent que l'homme y a porté ses pas, qu'ils devront bientôt se chercher ailleurs un autre refuge. Dans le silence de la nuit, dans la lueur rouge éclairant les visages, Liêu regardent ses fils, et soudain il dit, la voix chargée de tendresse:

-Enfants, vivez avec joie, reconstruisez tout. Notre vie est un commencement, elle sera toujours un commencement. Malgré les ténèbres, sur la terre natale, aujourd'hui nous avons allumé une flamme.

Cette flamme est née il y a près de six cents ans, le jour où la terre de Quang Nam est devenue vietnamienne, où les premiers habitants s'y sont installés. La colline où Liêu et ses fils ont allumé leur feu s'appelle aujourd'hui Nồng Ông Tao. Aujourd'hui, tout l'alentour s'est couvert de champs, de villages, et la vie, toujours changeante, s'y développe. Les traces du passé ont plus ou moins pâli, certaines se sont effacées, d'autres sont devenues resplendissantes, l'espoir suit l'espoir, les malheurs s'entassent sur les malheurs, le sang se mélange au sang, la sueur se dessèche lentement sur les corps exsangues des honnêtes gens, la vie des hommes peut s'ouvrir, le sous-développement et l'ignorance peuvent être repoussés, il ne s'en suit pas que les mauvaises intentions régressent d'elles-mêmes dans le cœur des hommes. Chaque homme, en poussant sa porte le matin pour sortir dans la rue, est immédiatement accompagné d'un moi prétentieux et malfaisant, et cet honnête homme croit que cet autre lui-même lui est tout naturellement nécessaire comme son ombre sur la route sous le soleil. Jour après jour, nous devons nous unir à notre ennemi dans une même âme.

Petit, j'ai souvent entendu mon père raconter cette histoire le soir, quand la lune se levait au-dessus de l'ouatier à l'entrée la rue. Des paysannes bavardaient dans le jardin d'à côté. On entendait les oiseaux crier dans la nuit, les fruits mûrs tomber sur le sol, on se réunissait autour de la table familiale posée sur une natte, dans la cour pavée de briques luisantes dans le clair de lune. Les contes, les légendes, les chants populaires, les histoires pour rire, complétaient nos maigres repas. Cette atmosphère paysanne pleine de poésie a contribué à inscrire profondément dans ma mémoire l'histoire de Trần Liêu et de ses fils. Mon esprit naïf et pur a conservé ce conte comme un tendre souvenir.

Ce n'est pas une histoire de l'histoire officielle, ce n'est pas une légende, un conte. D'aucuns disent que c'est une histoire impossible. Je ne le pense pas. Il vaut mieux souffrir d'une douleur authentique que se réjouir d'une joie factice. Par sa clarté, son humanisme, cette histoire n'est pas étrangère à la réalité, aussi je la crois vraie. Sinon, où caserons-nous "l'Amour de l'Humain" quand, aujourd'hui, il nous faut regarder des faces soi-disant humaines.

Cette flamme s'est fanée à travers les siècles. Mais il reste des descendants de l'homme-qui-alluma-le-feu. Cette flamme n'est pas la lumière neutre d'une société mécanique, indifférente. Elle n'a rien de surréal non plus, elle ne gît pas davantage dans l'idée étroite et réaliste que nous nous faisons du feu. Il se peut qu'elle se soit déjà transformée en une autre lumière, dense et douce comme les chants populaires, éblouissante comme un hymne au bonheur, douloureuse et déchirante comme le destin misérable de la Mère et de Giao Châu.

Cette flamme des origines a une âme, elle agit éternellement. S'en souvenir, c'est la rallumer.

Et nous n'oublierons pas les mots surgis des profondeurs de la conscience de Liêu: "...Nous reconstruirons tout. Malgré les ténèbres, sur la terre natale, aujourd'hui nous allumons une flamme ardente".

7.9.91